

Bản án số: 72 /2021/ HSST
Ngày: 28/ 12/ 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2021/ HSST ngày 23/11/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/ QĐXXST- HS ngày 14 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: Trần Tuấn A, sinh năm 1989; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình (quê quán: Xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình); nơi ở và ĐKNKTT: Tổ 25, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T (đã chết) và bà Vũ Thị H; có vợ: Chị Đào Thị T; con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 148/2018/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh bắc Ninh xử phạt Trần Tuấn A 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Trần Tuấn A chấp hành xong bản án ngày 28 tháng 8 năm 2019.

Tiền sự: Ngày 23 tháng 02 năm 2012, bị Công an phường T, thành phố Ninh Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC, xử phạt Trần Tuấn A 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Trần Tuấn A chưa chấp hành quyết định.

Về nhân thân:

+ Tại bản án số 47/2010/HSST ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xử phạt Trần Tuấn A 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 194 khoản 1 Bộ luật hình sự. Trần Tuấn A chấp hành xong bản án ngày 31 tháng 8 năm 2011.

+ Năm 2012, bị Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 2271/QĐ-UB ngày 04/7/2012 đ- a Trần Tuấn A vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục,

lao động – xã hội tỉnh Ninh Bình với thời hạn 24 tháng. Trần Tuấn A chấp hành xong quyết định ngày 31 tháng 7 năm 2014.

+ Ngày 26 tháng 8 năm 2021, bị Công an xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 15, xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra ngày 30 tháng 7 năm 2021. Trần Tuấn A chưa chấp hành quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 8 năm 2021 đến ngày 17 tháng 8 năm 2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay; có mặt.

Bị hại:

+ Chị Đỗ Thị H; sinh năm 1977; trú tại: Đường H, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Trương Thị H; sinh năm 1988; trú tại: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Hồng T; sinh năm 1973; trú tại: Số nhà 01, ngõ 7, đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Cháu Nguyễn Thị L; anh Nguyễn Hoàng Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Trần Tuấn A là người nghiện ma túy, đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích, hiện sống lang thang trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 7 năm 2021 đến ngày 15 tháng 8 năm 2021, Trần Tuấn A đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 17 tháng 7 năm 2021, Trần Tuấn A đi bộ từ phố Đ, phường T, thành phố N đến phường N, thành phố N với mục đích xem có ai sơ hở để trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đi qua nhà chị Đỗ Thị H, sinh năm 1977, trú tại phố Đ, phường N, thành phố N thì phát hiện trong sân nhà chị H đang dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade FI, biển kiểm soát 35B1-461.5.., màu sơn xám-bạc-đen; không khoá cổ, chìa khóa xe đang cắm trong ổ khóa điện. Quan sát xung quanh thấy cổng đang mở, trong sân nhà chị H không có người nên Trần Tuấn A đi vào trong sân mở khóa điện, dắt xe ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe đi về trung tâm thành phố N. Trên đường đi Trần Tuấn A dừng lại mở cốp xe lục tìm lấy trong cốp giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy phép lái xe của chị H. Sau đó, Trần Tuấn A điều khiển xe đến gầm cầu đá thuộc phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình ngủ; đến khoảng 09 giờ ngày 18 tháng 7 năm 2021, Trần Tuấn A mang xe đến nhà anh Lê Hồng T, sinh năm 1973, ở số nhà 01, ngõ 7, đường Phan Đình P, phường V, thành phố N, gặp và nói với anh T là “xe của bà chị nhờ bán hộ” và đưa cho anh T xem 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thị H. Sau khi thỏa thuận, anh T đồng ý mua chiếc xe trên với giá 8.000.000

đồng. Số tiền bán xe do trộm cắp mà có Trần Tuấn A đã mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, anh Lê Hồng T tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade FI, màu sơn xám-bạc-đen, biển kiểm soát 35B1-461.5..., đã qua sử dụng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thị H cùng 01 giấy phép lái xe hạng A1 số AH 715484 mang tên Đỗ Thị H cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 61/KLĐG ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N, kết luận: Trị giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade FI, biển kiểm soát 35B1-461.5..., màu sơn xám-bạc-đen, đã qua sử dụng có giá trị là: 13.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 05 giờ sáng ngày 15 tháng 8 năm 2021, Trần Tuấn A đi bộ trên trục đường Quốc lộ 10 khu vực thôn P, xã K, huyện Y thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 47N1-111.5.. của chị Trương Thị H, sinh năm 1988, trú tại xã G, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (hiện đang tạm trú và buôn bán bánh mỳ tại thôn P, xã K, huyện Y), đang dựng ở mé đường bê tông trước cửa hông quán bánh mỳ “Bảo Long II”, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa xe. Thấy chị H đang mài làm bánh mỳ trong quán, xung quanh không có ai trông coi nên Trần Tuấn A đi đến vặn mở chìa khóa xe, dắt ra đường Quốc lộ 10 rồi khởi động máy điều khiển xe mô tô theo đường Quốc lộ 10 đi lên thành phố Ninh Bình. Khi đi đến khu vực ngã tư Big C thuộc địa bàn phường N, thành phố N thì Trần Tuấn A rẽ phải ra đường bờ đê sông Đ đi về phía huyện K để tìm nơi tiêu thụ. Khi Trần Tuấn A đang điều khiển xe mô tô trên đường bờ đê sông Đ thuộc thôn P, xã K thì xe mô tô bị hết xăng nên Tuấn A phải xuống dắt xe đi bộ. Cùng lúc đó có lực lượng Công an xã K đang làm nhiệm vụ tuần tra thấy Trần Tuấn A có những biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu Trần Tuấn A dừng lại kiểm tra. Quá trình làm việc, Trần Tuấn A đã tự khai nhận về hành vi trộm cắp và tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Công an xã K. Công an xã K đã đưa Trần Tuấn A cùng tang vật về trụ sở lập biên bản và chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N1-111.5..., nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen-đỏ, số khung C640AY371674, số máy: 5C64371673; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, loại mũ nửa đầu có kích thước (26x22x12)cm, trên mũ có chữ Honda; chị Trương Thị H tự nguyện giao nộp 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47N1-111.5.. mang tên Đặng C, địa chỉ xóm H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y, kết luận: Trị giá 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N1-111.5..., nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen-đỏ, số khung C640AY371674, số máy 5C64371673 ở thời điểm ngày 15/8/2021 có giá trị là 6.500.000 đồng; Chiếc mũ bảo hiểm màu xanh, loại mũ nửa đầu có kích thước (26x22x12)cm, trên mũ có chữ Honda ở thời điểm ngày 15/8/2021 là 0 đồng.

Quá trình điều tra, ngày 15 tháng 8 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y trích xuất hình ảnh camera của Công an xã K, huyện Y; ngày 30 tháng 8 năm 2021, tiến hành cho Trần Tuấn A xem tệp tin video đã thu giữ, Trần Tuấn A xác định hình ảnh người đàn ông mặc áo sơ mi dài tay, tối màu, quần sooc màu trắng không đội mũ, đi bộ từ khu vực chợ Vệ về phía thành phố N ở sát mép đường bên phải theo hướng huyện K - thành phố N, tại thời điểm 04 giờ 51 phút là hình ảnh của Trần Tuấn A.

Tại Bản kết luận giám định số 737/KLGD-PC09-KTS-ĐT ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp tin video lưu trữ trong 02 USB gửi giám định.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc USB chứa tệp tin video lưu trữ hình ảnh trích xuất từ camera đã giám định được niêm phong theo quy định và chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 02 xe mô tô: 01 xe nhãn hiệu Honda AirBlade FI, màu sơn xám-bạc-đen biển kiểm soát 35B1-461.5..; 01 xe nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen-đỏ, biển kiểm soát 47N1-111.5.. và 01 mũ bảo hiểm. Quá trình điều tra xác định, là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị H và chị Trương Thị H. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản và các giấy tờ cho chủ sở hữu.

Quá trình điều tra, Trần Tuấn Anh đã khai nhận hành vi phạm tội của của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKS-YK ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Tuấn A, ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn A phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A với mức án tù từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 15/8/2021.
- Đối với số tiền 8.000.000 đồng do bị cáo đã bán xe mô tô cho anh Lê Hồng T. Nay anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này, nên xác định số tiền này là do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Đỗ Thị H và chị Trương Thị H, song lời khai xác định việc mất xe mô tô như bị cáo khai nhận là đúng, chị H, chị Trương Thị H đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Anh Lê Hồng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, song anh T có lời khai về việc đã mua xe mô tô của bị cáo A số tiền 8.000.000 đồng là đúng và anh T không yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền mà anh đã bỏ ra mua chiếc xe mô tô này.

Người làm chứng đều xác định lời khai của bị cáo khai về nội dung sự việc và

số tài sản bị mất là đúng.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi 02 lần trộm cắp tài sản: Lần thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 17/7/2021, bị cáo A đi bộ từ phường T đến phường N, thành phố N với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến phố Đ, phường N, thành phố N thì phát hiện trong sân nhà chị H đang dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade FI, biển kiểm soát 35B1-461.5..., xe không khoá cở, chìa khóa xe đang cắm trong ổ khóa điện, thấy cổng mở, trong sân không có người, bị cáo A đi vào trong sân mở khóa điện, dắt xe ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe đi về trung tâm thành phố N. Trên đường đi bị cáo dừng lại mở cốp xe lục tìm lấy trong cốp giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy phép lái xe của chị H. Sau đó bị cáo điều khiển xe đến gầm cầu đá thuộc phường N, thành phố N ngủ; đến sáng ngày 18/7/2021, bị cáo A mang xe đến nhà anh Lê Hồng T, ở phường V, thành phố N và nói với anh T là “xe của bà chị nhờ bán hộ” và đưa cho anh T xem giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thị H. Bị cáo thỏa thuận và bán cho anh T chiếc xe này với giá 8.000.000 đồng, tiền bán xe bị cáo mua ma túy để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 61/KLĐG ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N, kết luận: Trị giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade FI, biển kiểm soát 35B1-461.5..., màu sơn xám-bạc-đen, đã qua sử dụng có giá trị là: 13.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 15/8/2021, bị cáo A đi bộ trên đường Quốc lộ 10, khi đến thôn P, xã K, huyện Y thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, biển kiểm soát 47N1-111.5.. của chị H, hiện đang tạm trú và buôn bán bánh mỳ tại thôn P, xã K, xe đang dựng ở mé đường bê tông trước cửa hông quán bánh mỳ, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa và xe có treo 01 mũ bảo hiểm.

Thấy chị H đang mãi làm trong quán, lại không có ai trông coi, bị cáo A đi đến vặn mở chìa khóa và dắt xe ra đường Quốc lộ 10, rồi nổ máy điều khiển xe mô tô theo đường Quốc lộ 10 đi lên thành phố N. Khi đến khu vực ngã tư Big C, bị cáo rẽ phải ra đường bờ đê sông Đ, đi về phía huyện K để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến thôn P, xã K thì xe mô tô hết xăng nên bị cáo dắt xe đi bộ. Lúc này Công an xã K đang đi tuần tra thấy nghi vấn nên đã yêu cầu bị cáo A dừng lại để kiểm tra. Quá trình làm việc bị cáo đã tự khai nhận về hành vi trộm cắp và tự nguyện giao nộp xe mô tô. Công an xã K đã đưa bị cáo cùng tang vật về trụ sở lập biên bản. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG ngày 17/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y, kết luận: Trị giá 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N1-111.5..., nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen-đỏ, số khung C640AY371674, số máy 5C64371673 ở thời điểm ngày 15/8/2021 có giá trị là 6.500.000 đồng; chiếc mũ bảo hiểm màu xanh, loại mũ nửa đầu có kích thước (26x22x12)cm, trên mũ có chữ Honda ở thời điểm ngày 15/8/2021 là 0 đồng.

Nội dung Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Trần Tuấn A đã lợi dụng sơ hở và đã chiếm đoạt 02 xe mô tô của chị H và chị Trương Thị H, với tổng có giá trị 19.500.000 đồng, nêu đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh địa bàn huyện Y. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội hai lần trở lên và tái phạm, theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự thú về hành vi trộm cắp trước đó nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có nhân thân xấu, hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị truy tố, bị cáo thực hiện hành vi khi đang có tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên thuộc trường hợp tái phạm, do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân không có nghề nghiệp, lại nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra bị cáo A còn khai nhận đã sử dụng số tiền 8.000.000 đồng do phạm tội mà có để đi mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên, bị cáo không nhớ rõ mua của ai, thời gian, địa điểm tàng trữ và sử dụng ma túy cụ thể như thế nào. Vì vậy, không đủ cơ sở để xác minh, xử lý.

Đối với anh Lê Hồng T là người đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-461.5.. mà bị cáo trộm cắp của chị H ngày 17/7/2021, quá trình điều tra xác định khi mua xe của bị cáo A, anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có lỗi.

[6] Về các biện pháp tư pháp - Trách nhiệm dân sự - Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade FI, màu sơn xám-bạc-đen biển kiểm soát 35B1- 461.5.; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn đen-đỏ, biển kiểm soát 47N1-111.5.. và 01 mũ bảo hiểm. Quá trình điều tra xác định, là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị H và chị Trương Thị H. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản và các giấy tờ cho chị H và chị Trương Thị H là phù hợp.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà anh T bỏ ra mua chiếc xe mô tô của bị cáo A, xe mô tô này đã thu giữ và trả lại cho bị hại. Nay anh T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này, đây là sự tự nguyện và quyền tự định đoạt, trong giao dịch dân sự của anh T nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc USB chứa tệp tin video lưu trữ hình ảnh trích xuất từ camera đã giám định được niêm phong theo quy định là vật chứng của vụ án được tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ.

[7] Về án phí: Bị cáo A là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, ngày 15/8/2021.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Tuấn A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại, Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.